ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 478 /QĐ-UBND	*Nông Cống, ngày 01tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 1 tháng 7năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 9756/SXD-QH ngày 27/12 /2021 của Sở xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Công văn số 265/SNN&PTNT-KHTC ngày 20/01/2022 của sở Nông nghiệp &PTNT về việc tham gia ý kiến về đồ án nội dung Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống đến năm 2030; số 606/SGTVT-KHTC ngày 13/02/2022 của sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã Thăng Bình, Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Vạn Thắng, huyện Nông Cống đến năm 2030;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 13/KTHT-QH ngày 28/02/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch toàn bộ địa giới hành chính xã Thăng Bình tổng diện tích tự nhiên 1.182.02 ha.

- Vị trí và giới hạn lập quy hoạch như sau:

+ Phía Bắc giáp Trường Minh và Vạn Thiện.

+ Phía Nam giáp xã Công Liêm.

+ Phía Đông giáp xã Tượng Lĩnh.

+ Phía Tây giáp xã Thăng Thọ.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

a) Mục tiêu: Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 01/07/2021.

b) Tính chất chức năng của xã: Quy hoạch xây dựng xã Thăng Bình là quy hoạch xây dựng nông thôn; Chức năng chủ đạo của xã:

- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, lấy công nghiệp; nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao là định hướng phát triển ưu tiên.

- Kinh tế chủ đạo của xã: Công nghiệp; Thương mại dịch vụ; nông nghiệp công nghệ cao.

3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng đến tháng 12/2020: Khoảng 7.016 người.

- Đến năm 2025: khoảng 8.224 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 2,7%/năm.

- Đến năm 2030: khoảng 9.862 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 3,7%/năm.

3.1.2. Quy mô lao động

+ Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động khoảng 4.934 người, chiếm 60% dân số toàn xã.

+ Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động khoảng 5.917 người chiếm 60% dân số toàn xã.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng: ≥ 5 m^2/người;

- Đất ở: ≥ 25 m^2/người;

- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ: ≥ 2 m^2/người;

- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6 m^2/người;

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4-5 m^2/người).

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

****. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:***

- Cấp nước sinh hoạt: ≥ 60 lít/người/ngày-đêm;

- Cấp điện sinh hoạt: ≥ 150W/người/ngày/đêm; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng ≥ 50%;

- Nước thải sinh hoạt: ≥ 80% lượng nước cấp;

- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm. *(lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V)*.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Nằm điểm giao giữa tỉnh lộ 512, tỉnh lộ 525 thuộc thôn Hồng Sơn, thôn Lý Bắc, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, bưu điện, trường học, trạm y tế, sân thể thao …

4.2. Các khu dân cư tập trung:

- Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng thôn nông thôn mới kiểu mẫu; thôn kiểu mẫu.

- Quy hoạch các khu dân cư mới tập trung gắn với phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

4.3. Các khu vực sản xuất nông nghiệp:

Diện tích bao gồm tất cả các thôn, tập trung hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, khu trang trại tập trung. Đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, …..

4.4. Khu vực trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng tổng diện tích khoảng 192,52 ha

4.5. Khu vực sản xuất kinh doanh:

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Phát triển khu vực phía đông xã giáp xã Tưỡng Lĩnh và Trường Minh

- Phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo các tuyến đường liên xã, trục xã và các tuyến đường thôn hiện có và các khu vực mới tại khu vực thôn Mỹ giang và khu trung tâm xã.

- Loại hình: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và hộ cá thể; các cửa hàng, điểm bán hàng và hợp tác xã.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và đang trong quá trình xây dựng. Nằm điểm giao giữa tỉnh lộ 512, tỉnh lộ 525 thuộc thôn Hồng Sơn và thôn Lý Bắc, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã.

Xét khả năng quỹ đất thuận lợi cho xây dựng trung tâm quy mô khoảng 15,5 ha, trong phạm vi này bao gồm đầy đủ các công trình như: Công sở; trụ sở Công an xã, ban chỉ huy quân sự, khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao, chợ, trạm y tế, bưu điện, đài tưởng niệm và các công trình về giáo dục ….

+ Quy hoạch mới sân vận động trung tâm xã; quy mô đảm bảo theo quy định tại hướng dẫn số 2587 của Sở Văn hoá thể thao & Du lịch

+ Quy hoạch mới đất trụ sở công an xã theo nhu cầu đăng ký sử dụng đất của ngành Công an;

+ Quy hoạch đất ban chỉ huy quân sự xã;

+ Quy hoạch trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp;

+ Quy hoạch mới trạm y tế xã;

+ Quy hoạch mới chợ nông thôn;

+ Quy hoạch mới đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ;

+ Quy hoạch đất dành cho sự nghiệp giáo dục để đảm bảo quy mô khuôn viên các trường phục vụ nhu cầu dạy và học.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối nội, đối ngoại và nhu cầu phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới

Trên cơ sở 7 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí từng thôn và được yêu cầu chỉnh trang khu dân cư nông thôn nhằm khai hai thác hiện trạng một cách tối đa, hạn chế việc di chuyển, thay đổi không cần thiết. Các điểm dân phát triển trên cơ sở các điểm dân cư hiện trạng được cải tạo phát triển cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

phục vụ cho quá trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp năng suất thấp, đất sen kẹt; trên cơ sở đó xác định các vị trí cụ thể như sau:

+ Quy hoạch đất ở nông thôn khu đồng Ngang, khu Đồng Mương tại thôn Hồng Sơn diện tích 10,09ha;

+ Quy hoạch đất ở khu trung tâm xã (giáp kênh sông mực thôn Lý Bắc) diện tích 2,03 ha; khu đồng Cửa thôn Lý Đông diện tích 0,60ha;

+ Quy hoạch đất ở nông thôn khu trung tâm xã (đất trụ sở, đất sân thể thao, đất chợ, đất y tế cũ và đất nông nghiệp) thôn Hồng Sơn diện tích 1,68 ha;

Tổng diện tích dự kiến quy hoạch đất khu dân cư nông thôn 14,40 ha:

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Khu phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

+ Phát triển khu công nghiệp giáp Tượng Lĩnh quy mô diện tích: 222,1 ha;

+ Phát triển cụm công nghiệp quy mô diện tích: 35,64 ha);

+ Giao thông kết nối: tỉnh lộ 525, 512 và đường Nghi Sơn-Sao Vàng

- Khu vực dịch vụ - thương mại:

+ Phát triển ngành thương mại, dịch vụ trở thành ngành phụ trợ cho khu công nghiệp nhằm phát triển kinh tế.

+ Phát triển khu dịch vụ - thương mại tại thôn Mỹ Giang diện tích 4,27ha; khu trung tâm xã thôn Lý Bắc diện tích 2,52ha; khu đồng Ngang thôn Hồng Sơn 1,71 ha; Hợp tác xã dịch vụ thôn Hồng Sơn diện tích 0,13ha và chợ nông thôn diện tích 0,56ha.

+ Phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo các tuyến đường liên xã, trục xã.

+ Giao thông kết nối: Tỉnh lộ 525, 512 và đường TLM2 (đường gom cao tốc).

b) Khu sản xuất nông nghiệp

- Khu vực thôn Ngọc Hạ và Ngọ Thượng

+ Chức năng chính: sản xuất lúa, rau màu theo hướng nông nghiệp công nghệ cao và trang trại tổng hợp.

+ Diện tích khoảng 130 ha, trong đó khoảng 30 ha nông nghiệp công nghệ cao tại đập Đá Đứng và Quy hoạch phát triển trang trại chăn nuôi tập trung tại khu

Đập Phù thôn Ngọ Thượng diện tích 20,0 ha

- Khu vực thôn Thái Lai, Mỹ Giang

+ Chức năng chính: sản xuất lúa năng suất, chất lượng hiệu quả cao và lúa – cá kết hợp.

+ Diện tích khoảng 280 ha (trong đó phát triển trang trại tổng hợp 20 ha tại khu vực Đồng Bái, Mã Trung thôn Mỹ Giang, Xây dựng cánh đồng lúa năng suất chất lượng hiệu quả cao tại khu vực thôn Thái Lai, Mỹ Giang diện tích 70 ha giai đoạn 2021-2025, đến năm 2030 diện tích giảm còn 20 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp)

- Khu vực khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng: Tập trung khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng hiện có, diện tích đất rừng 192,52 ha.

e) Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030					
		Vị trí	DT đất (m^2)	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT quy hoạch (m2)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
I	**Công trình khu trung tâm**								
1	Công sở UBND xã, nhà văn hoá xã	Hồng Sơn	7.600	Giữ nguyên vị trí	Hồng Sơn	7.600	1-3	≤40	≥20
2	Tượng đài liệt sỹ	Hồng Sơn	353	QH mới	Hồng Sơn	1.000	1-2	≤15	≥30
3	Bưu điện văn hoá xã	Hồng Sơn	193	Giữ nguyên vị trí	Hồng Sơn	193	1-2	≤70	≥10
4	Trạm y tế xã	Hồng Sơn	1.772	QH mới	Hồng Sơn	2.800	2-3	≤40	≥30
5	Trường mầm non	Lý Bắc	4.800	Mở rộng	Lý Bắc	6.500	1-3	≤40	≥30
6	Trường tiểu học	Lý Bắc	8.199	Giữ nguyên vị trí	Lý Bắc	8.199	1-3	≤40	≥30
7	Trường THCS	Lý Bắc	4.944	QH mới	Lý Bắc	8.800	1-3	≤40	≥30
8	Sân vận động trung tâm	Hồng Sơn	5.580	QH mới	Lý Bắc	13.200			
9	Trụ sở công an xã			QH mới	Hồng Sơn	1.800	1-3	≤40	≥30
10	Ban chỉ huy quân sự xã			QH mới	Hồng Sơn	1.000	1-3	≤45	≥30
11	Chợ nông thôn	Hồng Sơn	1.981	QH mới	Hồng Sơn	5.600	1-3	≤40	≥10
13	Trụ sở HTX dịch vụ			QH mới	Hồng Sơn	3.000	1-3	≤40	
II	**Các công trình ngoài khu trung tâm**								
1	Nhà văn hóa, sân thể thao	Ngọ Thượng	4288	Giữ nguyên vị trí, giảm diện tích	Ngọ Thượng	2.500	1-2	≤25	≥40
2	Nhà văn hóa thôn Ngọ Hạ	thôn Ngọ Hạ	537	Mở rộng	thôn Ngọ Hạ	1.000	1-2	≤30	≥40

TT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030					
		Vị trí	DT đất (m^2)	Định hướng quy hoạch	Vị trí	DT quy hoạch (m2)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
3	Sân thể thao thôn Ngọ Hạ	thôn Ngọ Hạ		Quy hoạch mới	thôn Ngọ Hạ	2.000	1-2	≤25	≥40
4	Nhà văn hóa, sân thể thao			Quy hoạch mới	Thôn Hồng Sơn (đồng Mương)	2.500	1-2	≤25	≥40
5	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Lý Bắc	Thôn Lý Bắc	2000	Giữ nguyên vị trí	Thôn Lý Bắc	2.000	1-2	≤25	≥40
6	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Lý Đông	Thôn Lý Đông	2000	Giữ nguyên vị trí	Thôn Lý Đông	2.000	1-2	≤25	≥40
7	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thái Lai			Quy hoạch mới	Khu lò vôi thôn Thái Lai	2.500	1-2	≤25	≥40
8	Nhà văn hóa thôn Mỹ Giang	Thôn Mỹ Giang	830	Mở rộng	Thôn Mỹ Giang	1.496	1-2	≤25	≥40
9	Sân thể thao thôn Mỹ Giang	Thôn Mỹ Giang		Quy hoạch mới	Thôn Mỹ Giang	2.000			
10	Sân thể thao làng Xa Lý	Thôn Lý Đông	4580	Giữ nguyên vị trí	Thôn Lý Đông	4.580			
11	Đình làng Ngọ Xá			Quy hoạch mới	thôn Ngọ Hạ	1.000	1-2	≤40	
12	Đền chúa Thượng Ngàn			Quy hoạch mới	Thôn Ngọ Thượng	700	1-2	≤50	
13	Khuôn viên cây xanh			Quy hoạch mới	Thôn Lý Bắc	2.000			
14	Khu căn cứ Bộ chỉ huy Biên phòng			QH mới	Ngọ Hạ	50.000	1-2	≤20	

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

- Đường trục chính nội đồng: hiện trạng gồm 14 tuyến chính, tổng chiều dài là 11,17 km, đã cứng hoá được 5,41 km, Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các tuyến đường giao thông nội đồng đã bị hư hỏng, xuống cấp nhiều. Dự kiến đến năm 2030, bê tông hóa 5,76 km; nâng cấp tu sửa 5,41 km

- Đường đê:

+ Đối với tuyến đê đang thi công dọc sông Yên (khu vực thôn Ngọ Thượng, Ngọ Hạ) chiều dài 1,3 km, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phục vụ nhu cầu tiêu úng nước.

+ Quy hoạch mới tuyến đê dọc sông Yên từ tỉnh lộ 525 đi tỉnh lộ 512 chiều

dài 2,98km (Đê hữu sông Yên) phục vụ nhu cầu tiêu úng nước.

+ Nâng cấp, gia cố các tuyến đê hiện trạng chiều dài 3,51km, phục vụ nhu cầu tiêu úng nước và đi lại của người dân.

- Hệ thống thủy lợi, hồ đập, trạm bơm:

+ Hệ thống thủy lợi: Trong thời gian tới cứng hóa 6,68 km kênh mương nội đồng và nâng cấp và nạo vét kênh mương 13,15 km kênh mương đã cứng hóa, nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của các hộ dân và thoát nước mưa trên địa bàn toàn xã:

+ Hệ thống Hồ Đập: Đầu tư xây dựng, nạo vét lòng hồ Đá Đứng tại thôn Ngọ Thượng.

+ Trạm bơm: Nhằm đảm bảo nhu cầu thoát nước cho toàn khu vực cần xây dựng 1 trạm bơm tại đồng Bái thôn Mỹ Giang nhằm đảm bảo thoát nước tại các kênh tiêu.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại.

+ Tỉnh lộ 525: Đoạn qua địa bàn xã chiều dài 3,5km, hướng tuyến được giữ nguyên, nâng cấp cải tạo đạt quy mô đường cấp III. Mặt cắt: Lòng đường 12,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 30m (2 x 15 m); lộ giới 42m.

+ Tỉnh lộ 512: Đoạn qua địa bàn xã chiều dài 5,5km, hướng tuyến được giữ nguyên, nâng cấp cải tạo đạt quy mô đường cấp III. Mặt cắt: Lòng đường 12,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 30m (2 x 15 m); lộ giới 42m.

+ Quy hoạch mới đường TLM2 (đường gom cao tốc): Đoạn qua địa bàn xã chiều dài 1,35km, Quy hoạch đường cấp III. Mặt cắt: Lòng đường 12,0m; hành lang bảo vệ đường bộ 30m (2 x 15 m); lộ giới 42m.

+ Đường huyện ĐH.NC-16 từ xã Thăng Bình đi xã Công Liêm: Đoạn qua địa bàn xã chiều dài 1,89 km, quy hoạch đường cấp đường cấp IV. Mặt cắt: Lòng đường 9,0 m; hành lang bảo vệ đường bộ 20 m (2 x 10,0 m); lộ giới 29 m.

+ Đường huyện ĐH.NC-01 từ trạm bơm xã Thăng Bình đi Trường Minh: Đoạn qua địa bàn xã chiều dài 0,14km, quy hoạch đường cấp IV. Mặt cắt: Lòng đường 9,0 m; hành lang bảo vệ đường bộ 20 m (2 x 10,0 m); lộ giới 29 m.

b) Đường đối nội:

- Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã. Mặt cắt đại diện: Lòng đường 7,5m; lề đường (vỉa hè đoạn qua khu dân cư) 2 x 1,5m=3m; lộ giới 10,5m.

- Quy hoạch mới đường từ UBND xã mới đi cụm công nghiệp, chiều dài 1,43km. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m, lề đường 2 x 3,0m=6m; lộ giới 13,5 m.

- Quy hoạch mới đường từ tỉnh lộ 512 (khu dân cư mới đồng Ngang) vào đường khu nghĩa địa thôn Hồng Sơn chiều dài 0,41 km. Mặt cắt: Lòng đường 10,5m; lề đường 2 x 5,0m=10m; lộ giới 20,5m.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường từ tỉnh lộ 525 (giáp nhà hiệp tuyển) đi đường gom Cao tốc, chiều dài 1.9 km. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường 2x 3,0m=6m; lộ giới 13,5m;

- Quy hoạch mới đường từ tỉnh lộ 515 (giáp đài tưởng niệm) - trạm y tế quy hoạch mới - tỉnh lộ 525 (UBND xã củ), chiều dài 0,4km. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vỉa hè đoạn qua khu dân cư) 2 x 1,0m=2m; lộ giới 9,5m.

- Quy hoạch mới đường từ tỉnh lộ 512 (khu dân cư mới đồng Ngang) vào đường vào đê sông Yên (đường giáp với kênh sông Mực) chiều dài 0,51km. Mặ cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vỉa hè đoạn qua khu dân cư) 2 x 5,0m=10m; lộ giới 17,5m

+ Quy hoạch mới đường từ tỉnh lộ 512 (khu dân cư mới đồng Ngang) vào đường khu nghĩa địa thôn Hồng Sơn (đường giáp với đê sông Yên) chiều dài 0,34 km. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vỉa hè đoạn qua khu dân cư) 2 x 5,0m=10m; lộ giới 17,5m.

- Đường trục thôn: Các tuyến đường thôn cơ bản đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong giai đoạn tới cần tu bổ, sửa chữa cục bộ các tuyến bị xuống cấp đạt Quy chuẩn chung: Lòng đường 3,0 m; lề đường (vỉa hè đoạn qua Khu dân cư) 1,0 x 2 m; lộ giới: 5,0 – 7,0m.

6.2.2. Cấp điện.

- Toàn xã đã có 7 Trạm biến áp với tổng công suất 1590 KVA, có 7,8 km đường dây trung thế và 28 km đường dây hạ thế, về công suất thiết kế cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng điện của nhân dân trong xã. Tuy nhiên do nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 tăng lên khoảng 2.588 KVA nên dự kiến quy hoạch 2 trạm biến áp tại khu vực quy hoạch sân thể thao xã mới thuộc khu tâm xã công Suất 400 KVA và 1 trạm biến áp tại khu dân cư mới khu vực đồng Ngang thôn Hồng Sơn công suất 400 KVA.

6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng thuê bao băng rộng di động đến năm 2030 là 8.876 thuê bao (chiếm 90 dân số). Với dung lượng phục vụ của mỗi trạm BTS khoảng 2.000 thuê bao, nên trong thời gian tới không xây dựng trạm viễn thông.

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương).

- Xây dựng các tuyến cáp quang, được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.2.4. Hệ thống cấp nước.

- Đến năm 2030 nguồn nước dùng trong sinh hoạt được lấy từ nhà máy cấp nước đặt tại xã Thăng Thọ (công suất thiết kế đến năm 2030 là 40.000m3/ngđ) dẫn về xã thông qua các đường ống dẫn nước.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp nước theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước sạch cho tất cả các hộ dân sinh hoạt.

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

Tiết diện đường ống chính: D300

Tiết diện đường ống phân phối: D200

Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước mặt:

- Điều kiện địa hình tự nhiện của xã Thăng Bình chia cắt bởi hệ thống đê bao hình thành các tiểu vùng thoát nước rõ rệt. Trong quá trình xây dựng phát triển kinh tế xã hội của xã cũng như của các xã lân cận đã tác động trực tiếp làm thay đổi điều kiện tự nhiên tạo nên các điểm ngập úng cục bộ

- Tổng thể toàn xã được chia làm 04 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích phía Tây thôn Mỹ Giang và Hồng Sơn cần xây dựng đê bao và hệ thống mương thoát nước theo đê dọc sông Yên từ đường tỉnh lộ 525 thôn Hồng Sơn đi đến đường Gom chiều dài 2,98km, nước được thoát ra thoát ra sông Yên thông qua hệ thống mương và Trạm bơm tiêu (trạm bơm tại đồng Bái thôn Mỹ Giang).

+ Tiểu vùng 2: Gồm diện tích phía Bắc thôn Lý Bắc và phía đông thôn Mỹ Giang, Thái Lai thoát qua hệ thống mương tiêu Cồn Nhủn và mương Hón Giải chảy nước về xã Trường Minh và thoát ra sông qua Trạm bơm tiêu Trường Minh.

+ Tiểu vùng 3: Gồm diện tích phía Tây thôn Ngọ Thượng và Ngọ Hạ, nguồn nước được thoát theo kênh tiêu bãi bằng qua trạm bơm Quần Bối 1 đổ ra sông Yên.

+ Tiểu vùng 4: Gồm diện tích phía Đông thôn Lý Đông, Lý Bắc nước mưa được thoát ra thông qua hệ thống mương đường Sắt chảy sang xã Tượng Lĩnh.

- Đối với khu trung tâm xã, hệ thống thoát nước làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu. Đối với các kênh mương có kích thước nhỏ tốt nhất lên thay bằng cống hộp để dòng chảy ổn định hơn, tránh thấm nước và phá vỡ hệ thống đường giao thông.

b).Thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Thăng Bình sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thẩm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

c. Quy hoạch nghĩa trang.

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa và có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường; đồng thời quy hoạch mở rộng một khu nghĩa trang tại đồng Hiễn thôn Hồng Sơn diện tích 2,5ha, nâng tổng diện tích của khu 3,34 ha, có kế hoạch khoanh vùng riêng khu an táng và cải táng cho phù hợp, xây dựng hệ thống giao thông, mương thoát nước, trồng cây xanh xung quang khu nghĩa trang đảm bảo môi trường

7. Quy hoạch sử dụng đất

7.1. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

TT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Ký hiệu ô đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thôn	Năm thực hiện
1	Quy hoạch trụ sở công an xã	CAN-01	0,18	thôn Hồng Sơn	2022- 2030
2	Quy hoạch đất ban chỉ huy quân sự xã	CQP-01	0,10	thôn Hồng Sơn	2022- 2030
3	Quy hoạch khu căn cứ Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh tại Núi Xẻ	CQP-02	5,00	thôn Lý Bắc, Ngọ Hạ	2022- 2030

TT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Ký hiệu ô đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thôn	Năm thực hiện
4	Quy hoạch đất chợ	DCH-01	0,56	thôn Hồng Sơn	2022- 2025
5	Quy hoạch mới trường trung học cơ sở	DGD-01	0,88	thôn Lý Bắc	2026- 2030
6	Quy hoạch mở rộng trường mầm non	DGD-02	0,17	thôn Lý Bắc	2022- 2025
7	Quy hoạch khu vui chơi giải trí	DKV-01	0,11	thôn Lý Bắc	2022- 2030
8	Quy hoạch sân thể thao	DTT-01	0,20	thôn Mỹ Giang	2022- 2025
9	Quy hoạch sân vận động trung tâm xã	DTT-02	1,32	thôn Lý Bắc	2022- 2025
10	Quy hoạch sân thể thao	DTT-03	0,21	thôn Ngọ Hạ	2022- 2025
11	Mở rộng đất nhà văn hóa	DVH-02	0,06	thôn Mỹ Giang	2022- 2025
12	Quy hoạch đất nhà văn hóa	DVH-03	0,26	thôn Thái Lai	2022- 2025
13	Quy hoạch đài tưởng niệm	DVH-01	0,10	thôn Hồng Sơn	2022-2025
14	Mở rộng đất nhà văn hóa	DVH-05	0,11	thôn Ngọ Hạ	2022- 2025
15	Quy hoạch đất nhà văn hóa	DVH-04	0,25	thôn Hồng Sơn	2022- 2025
16	Quy hoạch trạm y tế	DYT-01	0,28	thôn Hồng Sơn	2022- 2025
17	Quy hoạch khu trang trại chăn nuôi	NKH-02	20,00	thôn Ngọ Thượng	2022- 2030
18	Quy hoạch trang trại tổng hợp	NKH-01	20,20	thôn Mỹ Giang	2022- 2030
19	Mở rộng khu nghĩa trang của xã	NTD-01	2,52	thôn Hồng Sơn	2025-2030
20	Đền bà chúa Thượng Ngàn	TIN-02	0,08	thôn Ngọ Thượng	2022- 2025
21	Đình làng Ngọ Xá	TIN-01	0,10	thôn Ngọ Hạ	2022- 2025
22	Quy hoạch đất ở nông thôn khu Đồng Ngang	OM-01, OM-02	8,75	thôn Hồng Sơn	2022-2030
23	Quy hoạch đất ở khu trung tâm xã (giáp kênh sông mực thôn Lý Bắc)	OM-03	2,03	thôn Lý Bắc	2022- 2030
24	Quy hoạch đất ở nông thôn khu trung tâm xã	OM-04, 05 06, 07, 08 và OM-10	2,28	thôn Hồng Sơn thôn Lý Đông	2022-2030
25	Quy hoạch đất ở nông thôn khu Đồng Mương	OM-09	1,34	thôn Hồng Sơn	2022-2025
26	Khu công nghiệp Nông Cống	SKK-01, SKK-02	222,10	thôn Lý Đông, Lý Bắc, Thái Lai	2022-2030
27	Cụm công nghiệp tượng Lĩnh	SKN-01	35,64	thôn Lý Bắc	2022-2030
28	Quy hoạc khu kinh doanh thương mại dịch vụ thôn Mỹ Giang	TMD-02 , TMD-03, TMD-04, TMD-05	4,27	thôn Mỹ Giang	2022-2025
29	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ khu đồng Ngang	TMD-07	1,71	thôn Hồng Sơn	
30	Quy hoạch hợp tác xã dịch vụ	TMD-01	0,13	thôn Hồng Sơn	2022- 2025
31	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ	TMD-06	2,53	thôn Lý Bắc	2022-2030
32	Quy hoạch đường giao thông thôn Thái Lai		0,60	thôn Thái Lai	2022-2025
33	Quy hoạch đường giao thông thôn Lý Đông (phía đông TL512)		0,26	thôn Lý Đông	2022-2025
34	Mở rộng đường TL 512 (thôn Hồng Sơn), lấy vào đất ở nông thôn		0,12	thôn Hồng Sơn	2022-2025

TT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Ký hiệu ô đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thôn	Năm thực hiện
35	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA; Đa chia đa nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cao khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110kV		0,04		2022-2025
36	Quy hoạch đường giao thông (hướng về phía Khu Công Nghiệp)		2,37	thôn Lý Bắc	2022-2025
37	Quy hoạch đường giao thông thôn Hồng Sơn		0,90	thôn Hồng Sơn	2022-2025
38	Đê hữu sông Yên, Từ TL 525 (thôn Hồng Sơn) đến TL 512		20,25		2026- 2030

7.2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích		**1182,02**	**100,0**	**1182,02**	**100,0**	**1182,02**	**100,0**
1	**Đất nông nghiệp**	**910,47**	**77,03**	**838,14**	**70,91**	**604,61**	**51,15**
1.1	Đất trồng lúa	593,60	50,22	501,50	42,43	253,27	21,43
1.2	Đất trồng trọt khác	88,91	7,52	88,84	7,52	88,84	7,52
1.3	Đất rừng sản xuất	192,52	16,29	192,42	16,28	187,42	15,86
1.4	Đất rừng phòng hộ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	35,45	3,00	35,39	2,99	35,09	2,97
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	20,00	1,69	40,00	3,38
2	**Đất xây dựng**	**219,18**	**18,54**	**294,49**	**24,91**	**531,12**	**44,93**
2.1	Đất ở nông thôn	35,44	3,00	42,39	3,59	49,52	4,19
2.3	Đất công cộng	4,13	0,35	5,41	0,46	6,27	0,53
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,19	0,10	0,75	0,06	0,75	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,84	0,07	1,50	0,13	1,50	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,19	0,02	0,28	0,02	0,28	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,68	0,14	2,33	0,20	3,19	0,27
-	Đất chợ	0,23	0,02	0,55	0,05	0,55	0,05
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,01	0,17	3,01	0,25	3,01	0,25
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,06	0,01	0,23	0,02	0,23	0,02
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,06	0,01	41,81	3,54	266,44	22,54
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác		0,00		0,00		0,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	121,06	10,24	124,69	10,55	123,70	10,47
2.8.1	Đất giao thông	101,59	8,59	104,18	8,81	101,69	8,60
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	19,30	1,63	20,30	1,72	21,80	1,84
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,17	0,01	0,21	0,02	0,21	0,02
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	56,43	4,77	76,68	6,49	76,68	6,49
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,00	0,28	0,02	5,28	0,45

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2025		Đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
3	**Đất khác**	**52,37**	**4,43**	**49,39**	**4,18**	**46,29**	**3,92**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	42,49	3,59	39,51	3,34	36,41	3,08
3.2	Đất chưa sử dụng	9,88	0,84	9,88	0,84	9,88	0,84

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

a) Các dự án về phát triển sản xuất

- Dự án phát triển vùng NNCNC tại thôn Ngọ Thượng;

- Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao tại thôn Thái Lai, Mỹ Giang

- Dự án phát triển trang trại tại thôn Ngọ Thượng và thôn Mỹ Giang

- Dự án phát triển mô hình lúa cá kết hợp thôn Mỹ Giang.

b) Các dự án về đầu tư hạ tầng

- Dự án xây mới và mua sắm trang thiết bị Y tế.

- Dự án xây mới khu thể thao và các công trình văn hóa xã.

- Dự án xây mới, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn

- Dự án xây dựng mới chợ xã.

- Dự án mở rộng trường mầm non và mua sắm trang thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở.

- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống giao thông.

- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống thủy lợi.

- Dự án xây mới, nâng cấp hệ thống điện.

- Quy hoạch trụ sở Công an xã, tại Hồng Sơn;

- Dự án xây dựng trụ sở ban chỉ huy quân sự xã tại Hồng Sơn;

c) Các dự án phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ

- Quy hoạch khu công nghiệp Nông Cống; cụm công nghiệp Tượng Lĩnh;

- Xây dựng khu dịch vụ thương mại tại thôn Lý Bắc;

- Xây dựng khu dịch vụ thương mại tại thôn Mỹ Giang;

d) Các dự án khác

- Dự án xây dựng khu căn cứ Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh tại Núi Sẽ;

- Xây dựng và tôn tạo đền bà chúa Thượng Ngàn;

- Xây dựng đình làng Ngọ Xá;

- Dự án đầu tư xây dựng các điểm thu gom rác thải ở các thôn.

- Dự án chỉnh trang quy hoạch chi tiết các nghĩa trang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Thăng Bình có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Bình, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Thăng Bình tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Thăng Bình và Thủ trưởng các ban, nghành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Lợi Đức